

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM HÀ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21/5/2021.

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Minh H

*Các hội thẩm nhân dân:*

+ Bà Thạch Thị Lan Nh;

+ Bà Pang Ting S.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đàm Thị Thu D – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân A - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 62/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-DS ngày 29/4/2021, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị **Trịnh Thị Ph**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

+ **Bi đơn:** Anh **Bàn Tồn S**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

*(Chị Ph và anh S đều có mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nguyên đơn chị Trịnh Thị Ph trình bày: Chị và anh Bàn Tồn S xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh L vào năm 2005. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân là do anh S thường uống rượu, có cách cư xử thiếu tế nhị với vợ con, nhiều lần xô xát với chị Ph. Mặc dù, chị Ph đã rất cố gắng nhưng anh S không thay đổi, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị Ph xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể cải thiện, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị Ph xác định, quá trình chung sống, chị và anh S có 03 con chung là Hoàng Thị Ph, sinh năm 2000; Hoàng Chi L, sinh ngày 08/10/ 2003; Hoàng

Ngọc M, sinh ngày 17/6/2007. Hiện nay cháu Phương đã trưởng thành và có gia đình riêng, chị Phkhông yêu cầu Tòa xem xét giải quyết; đối với cháu Lan và cháu Minh, chị Phyeu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con; không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ph đề nghị tự thỏa thuận về tài sản với anh Sao; đồng thời, quá trình chung sống giữa chị và anh Sao không có nợ ai, chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*Bị đơn anh Bàn Tồn S trình bày:* Anh và chị Ph xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2005. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, cãi nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bản thân anh cũng có uống rượu và đôi lúc có bức xúc nên xảy ra xô xát, bên cạnh đó chị Ph lại có quan hệ tình cảm với người khác, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị Ph làm đơn yêu cầu ly hôn, anh mong muốn vợ chồng cải thiện để xây dựng, phát triển gia đình nhưng chị Ph không thay đổi nên anh nghĩ nếu vợ chồng có tiếp tục chung sống với nhau cũng không thể hạnh phúc.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị Ph có 03 người con chung là Hoàng Thị Ph, sinh năm 2000; Hoàng Chi L, sinh ngày 08/10/2003; Hoàng Ngọc M, sinh ngày 17/6/2007. Khi ly hôn, cháu Phương đã có gia đình riêng, anh S không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết; đối với cháu Lan và cháu Minh anh yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con, không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh S đề nghị để vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản, đồng thời, quá trình chung sống vợ chồng anh không có nợ ai, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ph, xử cho chị Ph và anh S được ly hôn; về con chung: Đề nghị giao con chung là Hoàng Ngọc M, sinh ngày 17/6/2007 và Hoàng Chi L, sinh ngày 08/10/2003 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con; anh S không phải cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu Phương đã trưởng thành và có gia đình riêng, các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản, đồng thời, các đương sự xác định quá trình chung sống không có nợ ai, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Về án phí: Buộc chị Ph phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph và anh S xây dựng gia đình với nhau, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn

tại UBND xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2005. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn đến nay không cải thiện được. Nay, chị Phxác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, còn anh S không đồng ý. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Ph và anh S là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; anh S thường uống rượu say và có cư xử thiếu tế nhị với vợ, con, thậm chí là xô xát với chị Ph và đã bị xử lý về hình sự. Mặc dù, chị Ph và gia đình đã cố gắng động viên nhưng anh S không thay đổi. Hơn nữa, bản thân anh S lại không tin tưởng chị Ph trong chuyện tình cảm nên mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn. Anh S nhận thức được, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh một phần là do lỗi của anh như thường xuyên uống rượu nhưng anh không tự cải thiện, thay đổi được. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tiến hành hòa giải thì anh S xác định, nếu vợ chồng có tiếp tục chung sống với nhau cũng không thể hạnh phúc. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh S lại cho rằng, anh còn tình cảm với chị Ph nên anh không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy anh S sao không đồng ý ly hôn không phải là còn tình cảm với chị Ph mà là do giữa anh và chị Ph không thống nhất được với nhau về việc sử dụng số tiền là tài sản chung của vợ chồng nên anh chưa thống nhất việc ly hôn theo yêu cầu của chị Ph. Do đó, nếu cứ kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện tại cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự. **Vì vậy, để các bên tự ổn định cuộc sống riêng, căn cứ Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Ph, giải quyết cho chị Ph và anh S được ly hôn là phù hợp.**

[2] Về con chung: Chị Ph và anh S cùng xác định, quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung là Hoàng Thị Ph, sinh năm 2000; Hoàng Chi L, sinh ngày 08/10/2003 và Hoàng Ngọc M, sinh ngày 17/6/2007. Khi ly hôn, cháu Phương đã trưởng thành và có gia đình riêng, các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

Đối với cháu Minh và cháu Lan thì tại phiên tòa, chị Ph và anh S đều yêu cầu nuôi con, không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, quá trình chung sống thì chị Ph là người chịu khó làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, yêu thương chăm lo cho các con; còn anh S do thường xuyên uống rượu nên ảnh hưởng sức khỏe và việc lao động tạo ra thu nhập hạn chế hơn. Đồng thời, hiện nay cháu Minh đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng được ở với mẹ; cháu Lan cũng đã tự ổn định cuộc sống riêng. Do vậy, để đảm bảo điều kiện chăm sóc cho trẻ học tập và phát triển, cần giao con chung là Hoàng Ngọc M, sinh ngày 17/6/2007 và Hoàng Chi L, sinh ngày 08/10/2003 cho chị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Việc cấp dưỡng nuôi con các đương sự đều không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ph và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; đồng thời, quá trình chung sống anh, chị không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[4] Về án phí: Buộc chị Ph phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 203; và Điều 266 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Xử:**

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trịnh Thị Ph, xử cho chị Trịnh Thị Ph và anh Bàn Tồn S được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Hoàng Chi L, sinh ngày 08/10/2003 và Hoàng Ngọc M, sinh ngày 17/6/2007 cho chị Trịnh Thị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con; anh Bàn Tồn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Buộc chị Trịnh Thị Ph phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Ph đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0015123 ngày 04/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị Trịnh Thị Ph đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/5/2021), các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lâm Hà;
- THA dân sự huyện Lâm Hà;
- UBND xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Huấn**

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Trần Minh Huân**

